TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 02 năm 2026
V/v: Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Khăm Ỏn.
2. Ông Moong Văn Vũ.

- Thư ký phiên toà: Bà Vừ Y Khù - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 12- Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Đình Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12- Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về "*Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Moong Thị T, sinh năm 2004; số CCCD: 040304005649;
Nơi cư trú: Bản C, xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lo Văn V, sinh năm 1999; số CCCD: 040099001555;
Nơi cư trú: Bản C, xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Moong Thị T vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Moong Thị T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Lo Văn V tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 2019, không đăng ký kết hôn tại UBND xã phường mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Trong khoảng thời gian đầu mới cưới vợ chồng chung sống yêu thương nhau và hạnh phúc như những gia đình khác. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, lối sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, căng thẳng. Chị và anh Lo Văn V đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay,

nhận thấy tình cảm không còn chị Moong Thị T không muốn tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lo Văn V là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Lo Văn V có 01 con chung là cháu Lo Dần T, sinh ngày 22/02/2021. Nay không công nhận là vợ chồng, chị Moong Thị T yêu cầu giao cháu Lo Dần T cho anh Lo Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, vì từ khi sống ly thân thì anh Lo Văn V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Moong Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lo Văn V vắng mặt, tuy nhiên theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lo Văn V trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Anh Lo Văn V thừa nhận về thời gian, địa điểm chung sống đúng như chị Moong Thị T trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau vun vén xây dựng gia đình. Đến khoảng năm 2023, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm, lối sống không hòa hợp. Anh và chị Moong Thị T đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hiện nay tình cảm giữa hai bên không còn, đời sống chung hòa hợp, anh đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận anh và Moong Thị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Moong Thị T có 01 con chung là cháu Lo Dần T, sinh ngày 22/02/2021. Nay không công nhận là vợ chồng, anh Lo Văn V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lo Dần T cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành, vì từ khi sống ly thân thì anh Lo Văn V là người nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lo Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về hôn nhân: Không công nhận chị Moong Thị T và anh Lo Văn V là vợ chồng; về con chung: Giao 01 con chung là cháu Lo Dần T,

sinh ngày 22/02/22021 cho anh Lo Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Moong Thị T do anh Lo Văn V không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị Moong Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Moong Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lo Văn V là vợ chồng, anh Lo Văn V có nơi cư trú tại bản C, xã H, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc "*Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Nghệ An theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Moong Thị T và bị đơn anh Lo Văn V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Chị Moong Thị T và anh Lo Văn V tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị Moong Thị T và anh Lo Văn V không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì đến khoảng năm 2023, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm, lối sống không hòa hợp. Chị Moong Thị T và anh Lo Văn V đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hiện nay, chị Moong Thị T không còn tình cảm với anh Lo Văn V, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh Lo Văn V không phải là vợ chồng. Anh Lo Văn V cũng đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh và chị Moong Thị T không phải là vợ chồng. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa chị Moong Thị T và anh Lo Văn V là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Moong Thị T và anh Lo Văn V không phải là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Moong Thị T và anh Lo Văn V có 01 con chung là cháu Lo Dần T, sinh ngày 22/02/2021. Nay không công nhận là vợ chồng, nguyện vọng của chị Moong Thị T là giao cháu Lo Dần T cho anh Lo Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành, anh Lo Văn V cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, cháu Lo Dần T hiện đang được anh Lo Văn V nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, việc giao cháu Lo Dần T cho anh Lo Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do hai bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Moong Thị T. Trường hợp anh Lo Văn V nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà chị Moong Thị T có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Moong Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì anh Lo Văn V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Moong Thị T.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị Moong Thị T và bị đơn anh Lo Văn V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Moong Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Moong Thị T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Moong Thị T và anh Lo Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Lo Dần T, sinh ngày 22/02/2021 cho anh Lo Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi,

trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Moong Thị T do hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận không yêu cầu. Chị Moong Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh Lo Văn V là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà chị Moong Thị T có căn cứ chứng minh thì chị Moong Thị T có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Moong Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì anh Lo Văn V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Moong Thị T.

3. Về án phí: Chị Moong Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0000253 ngày 13/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Nghệ An (Chị Moong Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Moong Thị T và bị đơn anh Lo Văn V vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 12- Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên